**Học phí Đại học Y Dược Cần Thơ hệ chính quy?**

Mức học phí Đại học Y Dược Cần Thơ 2024-2025 được quy định theo khung học phí của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Bên cạnh đó, mức học phí Đại học Y Dược Cần Thơ giữa các chương trình học cũng có sự khác biệt tùy vào hình thức đào tạo, cụ thể:

**Đào tạo trúng tuyển chính quy**

Đây là chương trình đào tạo dành cho các sinh viên trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đại học.

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Bác sĩ Y khoa | 1.760.000 |
| Bác sĩ Răng hàm mặt | 1.760.000 |
| Bác sĩ Y học dự phòng | 1.587.000 |
| Bác sĩ Y học cổ truyền | 1.587.000 |
| Dược sĩ đại học | 1.740.000 |
| Cử nhân điều dưỡng | 1.374.000 |
| Cử nhân y tế công cộng | 1.205.000 |
| Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học | 1.374.000 |
| Cử nhân hộ sinh | 1.205.000 |
| Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học | 1.205.000 |
| Cử nhân dinh dưỡng | 1.205.000 |
| Kỹ sư Kỹ thuật y sinh | 1.226.000 |

**Đào tạo theo nhu cầu xã hội (theo đặt hàng)**

Hình thức đào tạo theo nhu cầu xã hội nhằm phục vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp hoặc địa phương có nhu cầu nhân lực đặc thù. Vì đây là chương trình được thiết kế riêng nên học phí cũng thường cao hơn so với hệ chính quy thông thường. Sau đây là học phí Đại học Y Dược Cần Thơ:

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Bác sĩ Y khoa | 2.112.000 |
| Bác sĩ Răng hàm mặt | 2.112.000 |
| Bác sĩ Y học dự phòng | 1.904.000 |
| Bác sĩ Y học cổ truyền | 1.904.000 |
| Dược sĩ đại học | 2.088.000 |
| Cử nhân điều dưỡng | 1.649.000 |
| Cử nhân y tế công cộng | 1.446.000 |
| Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học | 1.649.000 |
| Cử nhân hộ sinh | 1.446.000 |
| Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học | 1.446.000 |

**Đào tạo sinh viên quốc tế chương trình tiếng Việt**

Nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên quốc tế, trường Đại học Y Dược Cần Thơ đã triển khai thêm nhiều hình thức đào tạo khác nhau. Dưới đây là mức học phí Đại học Y Dược Cần Thơ được áp dụng cho từng chương trình mà bạn có thể tham khảo.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH HỌC** | **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Chương trình tiếng Việt trong Hiệp định | Bác sĩ Y khoa | 1.760.000 |
| Bác sĩ Răng hàm mặt | 1.760.000 |
| Bác sĩ Y học cổ truyền | 1.587.000 |
| Dược sĩ đại học | 1.740.000 |
| Cử nhân điều dưỡng | 1.374.000 |
| Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học | 1.374.000 |
| Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học | 1.205.000 |
| Chương trình tiếng Việt ngoài Hiệp định | Bác sĩ Y khoa | 2.112.000 |
| Bác sĩ Răng hàm mặt | 2.112.000 |
| Bác sĩ Y học cổ truyền | 1.904.000 |
| Dược sĩ đại học | 2.088.000 |
| Cử nhân điều dưỡng | 1.649.000 |
| Chương trình tiếng Anh | Bác sĩ Y khoa | 4.385.000 |
| Bác sĩ Răng hàm mặt | 4.385.000 |
| Dược sĩ đại học | 4.385.000 |

**Học phí Đại học Y Dược Cần Thơ hệ liên thông**

Chương trình liên thông là cánh cửa giúp sinh viên có thể chinh phục tấm bằng đại học. So với hệ chính quy, tiền học phí Đại học Y Dược Cần Thơ hệ liên thông thường cao hơn so tính chất đào tạo đặc thù, cụ thể:

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Bác sĩ Y khoa | 1.760.000 |
| Bác sĩ Y khoa Campuchia | 1.760.000 |
| Bác sĩ Y học cổ truyền | 1.587.000 |
| Bác sĩ Y học cổ truyền Campuchia | 1.587.000 |
| Dược sĩ đại học | 1.740.000 |
| Dược sĩ từ cao đẳng | 1.740.000 |
| Bác sĩ Y học dự phòng | 1.587.000 |
| Cử nhân điều dưỡng | 1.374.000 |
| Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học | 1.374.000 |

**Học phí Đại học Y Dược Cần Thơ hệ liên thông?**

**Đào tạo Sau đại học**

Hệ đào tạo sau đại học tại trường Đại học Y Dược Cần Thơ gồm có nhiều chương trình chuyên sâu từ chuyên khoa cho đến tiến sĩ. Do có sự khác biệt về yêu cầu đào tạo, thời gian học tập và cấp bậc chuyên môn nên mức học phí Đại học Y Dược Cần Thơ của từng chương trình cũng có sự chênh lệch.

**Chuyên khoa cấp I**

Chương trình chuyên khoa cấp I dành cho các bác sĩ, dược sĩ đã có kinh nghiệm thực hành và muốn nâng cao trình độ chuyên môn của mình. Với hệ đào tạo đa ngành, học phí chuyên khoa cấp I bao gồm có:

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Chẩn đoán hình ảnh | 1.857.000 |
| Chấn thương chỉnh hình | 1.857.000 |
| Da liễu | 1.857.000 |
| Dược lý - Dược lâm sàng | 1.857.000 |
| Gây mê hồi sức | 1.857.000 |
| Hồi sức cấp cứu | 1.857.000 |
| Ngoại khoa | 1.857.000 |
| Nhãn khoa | 1.857.000 |
| Nhi khoa | 1.857.000 |
| Nội khoa | 1.857.000 |
| Phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ | 1.857.000 |
| Răng hàm mặt | 1.857.000 |
| Sản phụ khoa | 1.857.000 |
| Tai Mũi Họng | 1.857.000 |
| Truyền nhiễm và Bệnh nhiệt đới | 1.857.000 |
| Kỹ thuật xét nghiệm y học | 1.571.000 |
| Thần kinh | 1.571.000 |
| Ung thư | 1.571.000 |
| Tâm thần | 1.571.000 |
| Phục hồi chức năng | 1.571.000 |
| Y học cổ truyền | 1.571.000 |
| Tổ chức quản lý dược | 1.571.000 |
| Kiểm nghiệm thuốc và độc chất | 1.571.000 |
| [Công nghệ](https://cellphones.com.vn/sforum) dược phẩm - Bào chế thuốc | 1.571.000 |
| Lao & bệnh phổi | 1.286.000 |
| Y học hình thái | 1.286.000 |
| Y học chức năng | 1.286.000 |
| Vi sinh và Ký sinh | 1.286.000 |
| Y tế công cộng | 1.286.000 |
| Y học dự phòng | 1.286.000 |
| Điều dưỡng | 1.286.000 |
| Y học gia đình | 1.286.000 |

**Chuyên khoa cấp II**

Chuyên khoa cấp II là bậc đào tạo cao hơn và dành cho người đã hoàn thành chuyên khoa cấp I hoặc có kinh nghiệm lâu năm. Cũng vì có tính chuyên sâu nên học phí của chương trình này cũng cao hơn so với chuyên khoa cấp I.

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Chuyên khoa cấp II | 2.006.000 |

**Tiền học phí Đại học Y Dược Cần Thơ 2024-2025?**

**Đào tạo Cao học**

Chương trình cao học là bước đệm vững chắc dành cho những cử nhân mong muốn đạt được tấm bằng thạc sĩ. Học phí của hệ này thường được tính theo tín chỉ với sự chênh lệch tùy theo từng chuyên ngành.

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Dược sĩ - Dược lâm sàng | 2.167.000 |
| Ngoại khoa | 2.167.000 |
| Nhi khoa | 2.167.000 |
| Nội khoa (Nội, Da liễu) | 2.167.000 |
| Răng hàm mặt | 2.167.000 |
| Kỹ thuật xét nghiệm y học | 1.834.000 |
| Thần kinh | 1.834.000 |
| Y học cổ truyền | 1.834.000 |
| Kiểm nghiệm thuốc và độc chất | 1.834.000 |
| Công nghệ dược phẩm - Bào chế thuốc | 1.834.000 |
| Y học hình thái | 1.500.000 |
| Y học chức năng | 1.500.000 |
| Vi sinh và Ký sinh | 1.500.000 |
| Y tế công cộng | 1.500.000 |
| Y học dự phòng | 1.500.000 |

**Bác sĩ nội trú**

Là chương trình học dành cho các sinh viên xuất sắc sau tốt nghiệp, học phí của các bác sĩ nội trú có thể thấp hơn hoặc được hỗ trợ theo chính sách đào tạo chuyên sâu.

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Chẩn đoán hình ảnh | 1.696.000 |
| Chấn thương chỉnh hình | 1.696.000 |
| Da liễu | 1.696.000 |
| Ngoại khoa | 1.696.000 |
| Nhãn khoa | 1.696.000 |
| Nhi khoa | 1.696.000 |
| Nội khoa | 1.696.000 |
| Răng hàm mặt | 1.696.000 |
| Sản phụ khoa | 1.696.000 |
| Tai Mũi Học | 1.696.000 |
| Thần kinh | 1.435.000 |
| Ung thư | 1.435.000 |
| Y học cổ truyền | 1.435.000 |
| Lao và bệnh phổi | 1.435.000 |

**Học phí Đại học Y Dược Cần Thơ bác sĩ nội trú?**

**Tiến sĩ**

Chương trình tiến sĩ tập trung vào việc đào tạo các nhà nghiên cứu, giảng viên và chuyên gia y tế. Do tính chất nghiên cứu chuyên sâu và thời gian học tập dài nên học phí tiến sĩ sẽ khá cao.

|  |  |
| --- | --- |
| **HỆ, NGÀNH** | **MỨC HỌC PHÍ/TÍN CHỈ (VNĐ)** |
| Đào tạo từ trình độ Đại học | 1.964.000 |
| Đào tạo từ trình độ Cao học | 3.120.000 |